

Bản án số:163/2019/HSST
Ngày 20/9/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên toà: Bà Bạc Thị Liên
Các hội thẩm nhân dân: 1.Ông Lò Thanh Hồng
2.Ông Quảng Văn Minh

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thúy Dần - Thẩm tra viên, Toà án nhân dân huyện Điện Biên.

- Đại diện VKSND huyện Đ, tỉnh Điện Biên tham gia phiên toà: Ông Hứa Ngọc Thông - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20/9/2019 Tại trụ sở Tòa án nhân dân, huyện Đ, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 154/2019/HSST ngày 07 tháng 8 năm 2019, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 167/2019/QĐXXST- HS ngày 06/9/2019 đối với bị cáo:

Họ tên: **Lường Văn P.** Tên gọi khác: Không; Sinh năm: 1973, tại Điện Biên. Giới tính: Nam.

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Bản T 2, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; Dân tộc: Thái; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không;

Nghề nghiệp: Làm ruộng.Trình độ học vấn: Không biết chữ.

Con ông: Lường Văn N (đã chết).Con bà: Lường Thị T, sinh năm 1929.

Bị cáo có vợ thứ nhất: Lường Thị H, sinh năm 1974 (đã ly hôn năm 1993).

Vợ 2: Lường Thị X, sinh năm 1975. Bị cáo có 04 con, con lớn sinh năm 1991, con nhỏ nhất sinh năm 1997. Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị Tòa án xét xử.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 04/6/2019. Bị cáo có mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 04/6/2019, Lường Văn P đi một mình từ nhà ở bản T 2, xã T, huyện Đ đến đội 18 xã T mục đích tìm mua ma túy để sử dụng và bán lại kiếm lời, trên đường đi P đã đi nhờ xe mô tô của một người đàn ông không quen biết, đến đội 18, xã T, P xuống xe đi bộ vào bản thì gặp một người đàn ông dân tộc Kinh khoảng 35 tuổi không biết tên và địa chỉ đang đứng ở cạnh đường đi. Qua chào hỏi biết người đó có ma túy bán, P thỏa thuận và mua được của người đàn ông đó 01 gói Heroine được gói bằng nilon màu hồng và 01 túi nilon màu xanh bên trong có 101 viên Methamphetamine với giá 3.500.000đ. Sau khi mua được ma túy, P cất giấu

toàn bộ vào túi quần bên phải đang mặc rồi đi bộ về nhà. Hồi 12 giờ 30 phút cùng ngày, khi P vừa lấy số ma túy ra chuẩn bị sử dụng thì tổ công tác Công an huyện Đ vào nhà kiểm tra, phát hiện bắt quả tang thu giữ trên mặt hòm gần giường ngủ chỗ P ngồi 01 gói Heroine và 01 túi nilon màu xanh bên trong có 101 viên Methamphetamine màu hồng.

Tại biên bản mở niêm phong xác định khối lượng ngày 04/6/2019 đã xác định: Số cục bột màu trắng thu giữ của bị cáo Lường Văn P có khối lượng là 1,14 gam, trích 0,11 gam gửi giám định. 101 viên nén màu hồng thu giữ của Lường Văn P có khối lượng 10,04 gam, trích 0,19 gam gửi giám định. Tổng khối lượng hai chất ma túy thu giữ của bị cáo là 11,18 gam.

Tại bản kết luận giám định số 593/GĐ-PC09 ngày 15/6/2019 Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên đã kết luận:

Mẫu chất bột màu trắng trích ra từ vật chứng thu giữ của Lường Văn P gửi giám định là ma túy: Loại heroine.

Mẫu viên nén màu hồng gửi giám định trích ra từ vật chứng thu giữ của Lường Văn P là chất ma túy: Loại methamphetamine.

Tại bản cáo trạng số 149/CT-VKSĐB ngày 05/8/2019; Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên đã truy tố bị cáo Lường Văn P về tội: Mua bán trái phép chất ma túy theo Điểm p Khoản 2 Điều 251/BLHS năm 2015.

Trong phần tranh luận tại phiên tòa, đại diện VKSND huyện Đ vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội: Mua bán trái phép chất ma túy, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điểm p Khoản 2 Điều 251/BLHS 2015; Điểm s Khoản 1 Điều 51/BLHS năm 2015. Xử phạt bị cáo Lường Văn P từ 8 năm đến 8 năm 06 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; Áp dụng Điểm c Khoản 1 Điều 47/BLHS năm 2015; Điểm a Khoản 2 Điều 106/BLTTHS năm 2015 về xử lý vật chứng của vụ án;

Áp dụng Điều 136/BLTTH và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo Lường Văn P một lần nữa khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã trình bày ở trên. Bị cáo hoàn toàn nhất trí với quan điểm truy tố và luận tội của VKSND huyện Đ, không có ý kiến tranh luận. Lời nói sau cùng của bị cáo: Ngoài xin giảm nhẹ hình phạt không có ý kiến gì khác.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, và của bị cáo;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Xét hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng: Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 04/6/2019, Lường Văn P đi một mình từ nhà ở bản T 2, xã T, huyện Đ đến đội 18 xã T mục đích tìm mua ma túy để sử dụng và bán lại kiếm lời, trên đường đi P đã đi nhờ xe mô tô của một người đàn ông không quen biết, đến đội 18, xã T, P xuống xe đi bộ vào bản thì gặp một người đàn ông dân tộc Kinh khoảng 35 tuổi không biết tên và địa chỉ đang đứng ở cạnh đường đi. Qua chào hỏi biết người đó có ma túy bán, P thỏa thuận và mua được của người đàn ông đó 01 gói Heroine được gói bằng nilon màu hồng và 01 túi nilon màu xanh bên trong có 101 viên Methamphetamine với giá 3.500.000đ. Sau khi mua được ma túy, P cất giấu toàn bộ vào túi quần bên phải đang

mặc rồi đi bộ về nhà. Hồi 12 giờ 30 phút cùng ngày, khi P vừa lấy số ma túy ra chuẩn bị sử dụng thì tổ công tác Công an huyện Đ vào nhà kiểm tra, phát hiện bắt quả tang thu giữ trên mặt hòm gần giường ngủ chỗ P ngồi 01 gói Heroine và 01 túi nilon màu xanh bên trong có 101 viên Methamphetamine màu hồng.

Vật chứng thu giữ của bị cáo 01 gói Heroine sau khi cân có khối lượng là 1,14 gam heroine và 101 viên nén màu hồng sau khi cân khối lượng 10,04 gam Methamphetamine. Tổng khối lượng hai chất ma túy là 11,18 gam.

Bị cáo mua bán hai chất ma túy do vậy hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm p khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự 2015. Có khung hình phạt từ 7 đến 15 năm tù, điểm p " Có 2 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm h đến điểm o khoản này".

Cáo trạng truy tố bị cáo là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật; Bị cáo là người có đủ năng lực để chịu trách nhiệm hình sự và phải chịu hình phạt mà pháp luật quy định do hành vi phạm tội của mình đã gây ra.

[2]. Xét tính chất mức độ hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo cho thấy: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Tội phạm mà bị cáo thực hiện thuộc trường hợp rất nghiêm trọng. Hành vi đó đã làm ảnh hưởng đến trật tự trị an, an toàn xã hội tại địa bàn xã T nói riêng và huyện Đ nói chung. Bị cáo nhận thức được tác hại của ma túy, nhận thức được hành vi mua bán trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật. Song vì hám lời và nhu cầu sử dụng của bản thân bị cáo đã bất chấp và cố tình vi phạm. Nên cần phải xử lý bị cáo nghiêm minh theo quy định của pháp luật.

[3]. Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo cho thấy. Sinh ra và lớn lên tại Đ, bản thân không được đi học năm 1991 kết hôn với Lương Thị H đến đầu năm 1993 ly hôn, cuối năm 1993 kết hôn với Lương Thị X, bị cáo nghiện ma túy từ năm 2017. Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự " Thành khẩn khai báo" theo quy định tại Điểm s Khoản 1 Điều 51/BLHS. HĐXX xét thấy bị cáo là đối tượng nghiện ma túy nên cần áp dụng hình phạt tù nghiêm khắc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để tiếp tục giáo dục, cải tạo và có thời gian cai nghiện để bị cáo cải sửa lỗi lầm của mình trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[4]. Ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản theo quy định tại Khoản 5 Điều 251/BLHS. Nhưng xét thấy bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, là đối tượng nghiện ma túy, thu nhập chủ yếu dựa vào lao động sản xuất nông nghiệp và đi làm thuê, thu nhập không ổn định, nên không có khả năng thi hành vì vậy Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Xét đề nghị của đại diện VKS là phù hợp nên HĐXX chấp nhận.

Nguồn gốc số Heroine và Methamphetamine trên theo lời khai của bị cáo đã mua ngày 04/6/2019, tại đội 18, xã T của một người đàn ông dân tộc Kinh khoảng 35 tuổi do không biết tên và địa chỉ Cơ quan điều tra không điều tra làm rõ được do vậy HĐXX không xem xét trong vụ án.

[5]. Về hành vi và các Quyết định của cơ quan người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, Điều tra viên, kiểm sát viên. Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện

đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục đảm bảo theo qui định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến khiếu nại gì do đó các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng là hợp pháp được chấp nhận.

[6]. Vật chứng: Áp dụng Điểm c Khoản 1 Điều 47/BLHS; Điểm a Khoản 2 Điều 106/BLTTHS về xử lý vật chứng.

Tịch thu tiêu huỷ 1,14 gam heroine đã trích 0,11 gam gửi giám định không hoàn lại và 10,04 gam Methamphetamine trích mẫu 0,19 gam gửi giám định không hoàn lại.

[7]. Về án phí: Căn cứ Khoản 2 Điều 136/BLTTHS và Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 bị cáo phải chịu toàn bộ án phí HSST.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điểm p Khoản 2 Điều 251/BLHS; Điểm s Khoản 1 Điều 51/BLHS năm 2015.

1. Tuyên bố: Bị cáo Lương Văn P phạm tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”.

2. Xử phạt bị cáo Lương Văn P 08 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ (04/6/2019).

3. Căn cứ: Điểm c Khoản 1 Điều 47/BLHS; Điểm a Khoản 2 Điều 106/BLTTHS về xử lý vật chứng.

Tịch thu tiêu huỷ 1,14 gam heroine đã trích 0,11 gam gửi giám định không hoàn lại và 10,04 gam Methamphetamine trích mẫu 0,19 gam gửi giám định không hoàn lại. (Vật chứng đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ chuyển cho Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ vào ngày 12/8/2019).

4. Về án phí: Căn cứ Khoản 2 Điều 136/BLTTHS và Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 về án phí lệ phí Tòa án bị cáo Lương Văn P phải chịu 200.000đ án phí HSST.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 20/9/2019).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND Tỉnh và huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- Bộ phận HNVCA huyện Đ;
- Sở TP tỉnh Điện Biên;
- THAHS; CCTHADS huyện Đ;
- Bị cáo;
- Lưu./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bạc Thị Liên

